

Bản án số: 1016/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 7 - 2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Sơn

2. Ông Phạm Văn Chính

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 493/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 265/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1993

Địa chỉ: B ấp A, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Nguyễn Đình H1, sinh năm 1983.

Địa chỉ: B ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2024, bản tự khai ngày 31/5/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Đình H1 tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh năm 2019.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không còn tình cảm. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 12 năm 2022 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân chỉ còn là hình thức nên bà H có nguyện vọng được ly hôn với ông H1.

- Về con chung: Có 01 người con tên Nguyễn Phú Đ, sinh ngày 13/01/2019. Bà H yêu cầu giao trẻ Đ cho ông H1 trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và bà H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 31/5/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Đình H1 trình bày:

Ông và bà Lê Thị Mỹ H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh năm 2019.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc. Ông H1 và bà H còn nhiều khuyết điểm chưa thông cảm với nhau. Bà H về nhà mẹ sinh sống, đi học và từ khi đó không còn tình cảm với ông H1, Tuy nhiên, ông H1 không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H vì ông còn thương vợ con.

- Về con chung: Có 01 người con tên Nguyễn Phú Đ, sinh ngày 13/01/2019. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông H1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc trẻ Đ và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đúng quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã tiến hành hòa giải nhưng không thành, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn, do đó đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư ngụ tại huyện H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo các qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông H1 tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 08 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/01/2019 thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H1 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà H: Tại phiên tòa, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông H1. Bà H khai mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2022. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không cùng quan điểm sống, tranh cãi nhau thường xuyên, không tôn trọng nhau, vợ chồng không còn tình cảm, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 12 năm 2022 đến nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không qua lại với nhau nữa. Do đó, bà có nguyện vọng được ly hôn với ông H1.

Tòa án đã động viên, hòa giải để vợ chồng bà H, ông H1 trở về đoàn tụ nhưng bà H không đồng ý, có nguyện vọng được ly hôn. Hội đồng xét thấy, bà H và ông H1 đã xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 12 năm 2022 đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã động viên bà H trở về đoàn tụ gia đình nhưng bà H vẫn cương quyết ly hôn do vợ chồng không còn tình cảm, mỗi người đã có cuộc sống riêng.

Nhận thấy đời sống chung vợ chồng của bà H, ông H1 đang ở trong tình trạng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[4] Xét yêu cầu của ông H1: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông H1 cho rằng vợ chồng còn nhiều khuyết điểm chưa thông cảm cho nhau, cuối năm 2022 bà H về nhà ba mẹ ruột sống và nói không còn thương ông nữa, do vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nên ông không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét thấy, vợ chồng ông H1, bà H đã không còn chung sống với nhau gần 02 năm, trong hai năm nay không ai qua lại chăm sóc nhau, không còn quan tâm lẫn nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng, cả hai không có biện pháp gì để hàn gắn, chứng tỏ, các bên đã không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ. Đối với bà H, bà vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn, chứng tỏ bà đã không còn tình cảm với ông H1 mà tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ 02 phía. Do không còn tình cảm, không còn tiếng nói chung nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu được đoàn tụ của ông H1.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, bà H và ông H1 có 01 người con tên Nguyễn Phú Đ, sinh ngày 13/01/2019. Tại buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa, ông H1 có ý kiến, nếu ly hôn thì ông H1 yêu cầu được nuôi trẻ Đ, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Bà H đồng ý giao trẻ Đ cho ông H1 nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có.

Về nợ chung: Đương sự khai không có.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, bà Lê Thị Mỹ H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Mỹ H được ly hôn với ông Nguyễn Đình H1.

2. Về con chung: 01 trẻ tên Nguyễn Phú Đ, sinh ngày 13/01/2019. Giao trẻ Đ cho ông H1 nuôi dưỡng, tạm ngừng tiền cấp dưỡng nuôi con đối với bà H cho đến khi có yêu cầu của ông H1.

Vì lợi ích con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án sẽ giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có

4. Nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Mỹ H phải chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà bà H đã nộp theo biên lai số 0024616 ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

TAND TP . HCM;
- VKSND H.Hóc Môn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi Cục THADS H.Học Môn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

Nguyễn Thị Kim Phụng